

Số: 05 /CT-UBND

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2017

CHỈ THỊ

VỀ VIỆC TIẾP TỤC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) NĂM 2017

Ngày 14/3/2017, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016, PCI tỉnh Bắc Ninh năm 2016 vẫn duy trì ở nhóm tỉnh xếp hạng tốt, đạt 60,35 điểm (tăng 0,44 điểm), tuy nhiên thứ bậc trên toàn quốc của tỉnh Bắc Ninh giảm 4 bậc so với năm 2015 (xếp thứ 17) và xếp thứ 4 vùng đồng bằng Sông Hồng.

Thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thị để các ngành, các cấp thực hiện tốt các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh năm 2017 như sau:

I. Các giải pháp chung

1. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ban, ngành, địa phương trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; đánh giá, xếp loại về công tác cải cách hành chính, Chỉ số Năng lực cạnh tranh áp dụng cho Sở, ngành và UBND cấp huyện và công bố công khai. Áp dụng nguyên tắc minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình, đối thoại trong giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, kiến nghị của nhân dân, thông tin từ các cơ quan truyền thông.

Các ngành, các cấp tập trung thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, chịu trách nhiệm cải thiện các Chỉ số thành phần liên quan đến ngành mình, khắc phục và cải thiện những chỉ tiêu thành phần còn thấp và giảm điểm; đề ra những giải pháp nhằm đạt được những chỉ tiêu năm 2017 đã đặt ra (theo các phụ lục đính kèm); cải thiện và duy trì các chỉ số thành phần ở mức cao và tăng điểm so với năm 2016, cải thiện thứ bậc nhằm đưa tỉnh Bắc Ninh thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố có chỉ số PCI tốt nhất trong bảng xếp hạng PCI toàn quốc năm 2017. Phân công rõ nhiệm vụ cho tập thể, cá nhân của đơn vị chịu trách nhiệm về từng chỉ số thành phần và thông qua kết quả đánh giá năm 2017 để đánh giá kết quả công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Triển khai thực hiện tốt các nội dung trọng tâm theo Chương trình hành động số 39/CTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; gắn với việc đổi mới và nâng cao chất lượng quản trị địa phương tại tỉnh Bắc Ninh; tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh; xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thân thiện, an toàn và minh bạch hơn; cập nhật phương pháp và đồng bộ với các chỉ số về môi trường kinh doanh quốc gia, chỉ số năng lực cạnh tranh (theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới), chỉ số Đổi mới sáng tạo (theo đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới - WIPO), Chính quyền điện tử (theo hướng tiếp cận của Liên hợp quốc).

2. Khai trương và vận hành có hiệu quả Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện (TTHCC)

- Tuyên truyền sâu rộng về TTHCC trước ngày khai trương để nhân dân biết, thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) và tham gia giám sát việc thực hiện tại TTHCC.

- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, chú trọng lắp đặt các trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, công cụ đánh giá mức độ hài lòng của công dân đối với các Sở, ngành và cán bộ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại TTHCC.

- Đào tạo kỹ năng mềm trong đó có kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho cán bộ; thiết kế áo đồng phục cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả tại TTHCC; đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quan điểm “thân thiện, lắng nghe, thấu cảm, tận tâm và chuyên nghiệp”.

- Đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 gắn với hoạt động của TTHCC; xây dựng Website của TTHCC đủ mạnh để thực hiện được các chức năng tích hợp.

- Xác định trách nhiệm người đứng đầu của cơ quan cử cán bộ tham gia tiếp nhận và trả kết quả tại TTHCC; vai trò của giám đốc TTHCC trong việc kiểm soát tính tuân thủ, tính minh bạch và tiến độ trong quá trình giải quyết TTHC.

- Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hỗ trợ công dân đến TTHCC như photo, in ấn, khắc dấu, gửi hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu điện.

- Hình thành Tổng đài giải đáp về TTHC công; hòm thư góp ý/đường dây nóng để công dân có thể phản ánh về chất lượng dịch vụ công; nhấn tin báo kết quả TTHC hoặc các hình thức tra cứu tiến độ giải quyết TTHC, đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Tạo đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh năm 2017; Kế hoạch hành động số 119/KH-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử. Vận hành tốt 335 dịch vụ công trực tuyến đã được khai trương.

4. Đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp

Nghiêm túc thực hiện quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường và các thủ tục hành chính liên quan tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tạo sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực tài chính của nhà nước.

Các Sở, ngành, đơn vị rà soát và sửa đổi, ban hành mới các quy định và tăng cường công khai minh bạch các chính sách, pháp luật liên quan tới doanh nghiệp, nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là trong tiếp cận các thủ tục hành chính, tiếp cận nguồn lực đất đai, miễn giảm thuế, ký quỹ, thực hiện ưu đãi đầu tư, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư; phân bổ vốn và đấu thầu trong đầu tư công, lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất; các dự án xã hội hóa,...

Quỹ Đầu tư phát triển tinh công khai danh mục, tổng mức và các thủ tục cho vay vốn; đề xuất quy định cho vay hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh các hoạt động và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế.

5. Nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp trong hình thành cầu nối giữa doanh nghiệp và chính quyền

Nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp về trợ giúp phát triển doanh nghiệp trong triển khai thực hiện trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhằm đảm bảo nguồn lực hỗ trợ của nhà nước được sử dụng hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm để giúp doanh nghiệp đạt được kết quả cụ thể trong phát triển sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh các kênh tham vấn, lắng nghe cộng đồng doanh nghiệp trong xây dựng và triển khai các chính sách trợ giúp. Tạo điều kiện và hỗ trợ Hiệp hội doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia thực hiện các chính sách trợ giúp doanh nghiệp.

Tuyên truyền và tăng cường hỗ trợ DNNVV về kiến thức quản trị kinh doanh, các hoạt động thích ứng với hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Tích cực nắm bắt, giải quyết kiến nghị, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

Tăng cường sự thân thiện, quan tâm lắng nghe với tinh thần tận tâm trong tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Quán triệt cán bộ công chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu; tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định Thủ trưởng các Sở, ngành phải có thư xin lỗi tới người dân và doanh nghiệp trong trường hợp cơ quan trả kết quả chậm hoặc cán bộ hướng dẫn không chu đáo dẫn tới doanh nghiệp, người dân phải mất thêm thời gian hoàn chỉnh hồ sơ hoặc đi lại và các trường hợp khác mà lỗi thuộc về cơ quan nhà nước.

Tạo thuận lợi nhất cho người dân phản ánh ý kiến, phản hồi về hoạt động của các Sở, ngành; nhất là phản ánh về tình trạng thiếu trách nhiệm, tiêu cực, nhũng nhiễu; xử lý nghiêm mọi hành vi trái quy định của pháp luật, gây chậm trễ, thiếu minh bạch, thiếu trách nhiệm, gây khó khăn, tiêu cực, nhũng nhiễu khiến doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện thủ tục hành chính. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn, giảm thiểu tiêu cực, nhũng nhiễu.

Triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt, giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh, tiếp nhận và phản hồi trong giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, ngăn ngừa các việc làm của cơ quan nhà nước có thể gây phiền hà cho doanh nghiệp, góp phần tạo sự thân thiện, an toàn, minh bạch hơn trong môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

II. Các giải pháp cải thiện điểm Chỉ số thành phần PCI

1. Chỉ số Chi phí không chính thức

Sở Nội vụ chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thực hiện và kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 20 tỉnh/thành phố tốt nhất; đồng thời phối hợp với các Sở, ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ chính sau:

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2017 với trọng tâm là thực hiện tốt khai trương và vận hành Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan. Nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, từ chối các yêu cầu đúng quy định và pháp luật của các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan. Xử lý nghiêm cán bộ gây khó khăn, nhũng nhiễu.

Nghiên cứu, triển khai thực hiện Đề án giảm chi phí kinh doanh (trong đó có chi phí không chính thức) cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Chỉ số Tính minh bạch

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc cung cấp thông tin; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá chất lượng cung cấp thông tin trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất; tập trung triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Tăng cường, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại, đa dạng các loại hình dịch vụ và nghiên cứu, phát triển các dịch vụ công nghệ thông tin; tăng cường quản lý, bảo mật thông tin trên mạng.

- Nâng cao chất lượng của các website, cung cấp thông tin chính sách, hoạt động của cơ quan nhà nước, chú trọng tiếp nhận, thông tin 2 chiều giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, người dân; coi trọng giải đáp các ý kiến phản ánh, công khai trên website; tổ chức đối thoại trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; đánh giá chất lượng cán bộ “một cửa” và dịch vụ công trực tuyến,...

- Tuyên truyền rộng rãi hoạt động của Chính quyền điện tử tới người dân và doanh nghiệp; vận hành thông suốt 335 dịch vụ công trực tuyến đã khai trương trong tháng 01/2017; tiếp tục triển khai các dịch vụ công trực tuyến đưa vào sử dụng trong thời gian tiếp theo.

3. Chỉ số Chi phí thời gian

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Trung tâm hành chính công cấp tỉnh... có trách nhiệm chính về thực hiện và kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất. Nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị:

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chính nâng cao kỹ năng trong tiếp xúc với công dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo thái độ lịch sự, tôn trọng người dân; ngôn ngữ trong giao tiếp phải chuẩn mực; hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc; bảo đảm công việc của các cá nhân, tổ chức được giải quyết đúng quy định; giúp đỡ doanh nghiệp và người dân khi có nhu cầu chính đáng cần được trả kết quả sớm hơn so với thời gian quy định.

- Thanh tra tỉnh và Thanh tra các Sở, ngành; thanh tra các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ, thống nhất chương trình thanh tra hàng năm đối với doanh nghiệp, mỗi năm một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra trừ trường hợp thanh tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Giảm phiền hà và gánh nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp theo Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- Các ngành: Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Điện lực, Xây dựng, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh... tập trung chỉ đạo rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp, hướng tới đạt những chỉ tiêu đề ra theo Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ. Ban hành quy định trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng ngoài khu công nghiệp (áp dụng tại Trung tâm hành chính công); quy chế phối hợp trong quản lý các khu công nghiệp. Cải tiến các thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng theo hướng đơn giản hóa, tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng xây dựng; rút ngắn thời gian và lồng ghép thủ tục về phòng cháy chữa cháy. Công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm 100% hồ sơ hoàn thuế được kiểm tra và 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Chỉ số Tính năng động

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chính về triển khai thực hiện và kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất; tập trung triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị liên quan xây dựng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, đề án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh trong dài hạn hướng tới mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022 theo hướng văn minh, hiện đại, đô thị thông minh, từ đó xây dựng thương hiệu và marketing địa phương có hiệu quả, góp phần định hướng cho doanh nghiệp phát triển lâu dài.

- Giúp lãnh đạo tỉnh thường xuyên tiếp nhận ý kiến, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp thông qua Hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp và nghiên cứu sâu các văn bản, trực tiếp nghe, vận dụng, kịp thời, giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Đối với những vướng mắc vượt quá thẩm quyền của ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; những vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các Sở, ngành, Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp có trách nhiệm tham mưu, đề xuất phương án giải quyết cuối cùng; không để doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị với các cơ quan truyền thông hoặc phản ánh lên Trung ương. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã phản ánh về Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp những điểm chồng chéo, vướng mắc trong thực thi pháp luật để báo cáo UBND tỉnh giải quyết kịp thời.

- Cùng với các Sở, ban, ngành chú trọng xây dựng hình ảnh địa phương năng động, phát huy các sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh, quảng bá hình ảnh phát triển của tỉnh tới cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tăng cường truyền thông trong cộng đồng doanh nghiệp về các biện pháp mới trong cải thiện môi trường kinh doanh.

- Biểu dương kịp thời cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao trong cải cách hành chính, có sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh; tăng cường chỉ đạo việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, việc thực hiện các quyết định, kết luận, văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với các Sở, ngành, cấp huyện; đề xuất xử lý nghiêm theo quy định về trách nhiệm người đứng đầu các Sở, ngành, đơn vị nếu chậm trễ, gây ách tắc công việc.

5. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp

Sở Công Thương, Ban quản lý các KCN tỉnh, các đơn vị liên quan có trách nhiệm chính về kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất. Nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị:

- Sở Công thương chịu trách nhiệm chính về:

+ Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đầu tư mở rộng sản xuất, đăng ký thương hiệu, có chất lượng cao; xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử.

+ Thực hiện các biện pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh với các doanh nghiệp FDI trong việc sản xuất, cung ứng các sản phẩm hỗ trợ; xây dựng cầu nối cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên kết, hợp tác với nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nhau hoặc thành lập liên doanh để cùng nhau sản xuất các sản phẩm hỗ trợ.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm, quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác xúc tiến thương mại nhất là kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu quảng bá thương hiệu, củng cố thị trường xuất khẩu, tìm kiếm thị trường mới.

- Các đơn vị quản lý các Trung tâm có chức năng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp với đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chính về khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn hoặc xây dựng hệ thống cung cấp thông tin pháp luật, thông tin kinh doanh miễn phí.

- Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh động viên các ngân hàng, các tổ chức tín dụng tạo thuận lợi nhất để hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp; khuyến khích các ngân hàng tăng cường nguồn vốn tín dụng cho vay đầu tư, sản xuất kinh doanh.

6. Chỉ số Gia nhập thị trường

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm về kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất. Nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị:

- Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện rà soát lại các thủ tục hành chính để công khai tại Trung tâm.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chính để nghiên cứu, rà soát và thực hiện rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh; phối hợp trong đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài; nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ doanh nghiệp trong đăng ký kinh doanh, cấp chứng chỉ, giấy phép hành nghề...Coi trọng hỗ trợ các doanh nghiệp mới thành lập, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hành chính có thẩm quyền trong việc giải quyết các yêu cầu của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

7. Chỉ số Thiết chế pháp lý

Hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 20 tỉnh/thành phố tốt nhất; nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh nâng cao tính minh bạch, khách quan, công tâm trong hoạt động xét xử các vụ kiện của doanh nghiệp, tạo sự tin tưởng cho doanh nghiệp.

- Cục Thi hành án có trách nhiệm xử lý các vụ việc liên quan đến trách nhiệm thi hành án dứt điểm, đúng pháp luật.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm củng cố vai trò của Đoàn Luật sư, các Phòng công chứng, các Công ty Luật, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc hỗ trợ và tư vấn pháp lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

8. Chỉ số Tiếp cận đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện tích cực các giải pháp cải thiện Chỉ số thành phần này; hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố tốt nhất, cụ thể::

- Đẩy mạnh thực hiện liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

- Công bố công khai quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, quỹ đất được nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận đất đai.

- Công khai các quy trình, thủ tục về tiếp cận đất đai của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân để sản xuất kinh doanh theo thẩm quyền của từng cấp. Nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật về đất đai hỗ trợ doanh nghiệp; thực hiện rà soát các dự án chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Rà soát, thống kê và thu hồi đất của các dự án không triển khai, chậm triển khai theo quy định của pháp luật; có giải pháp cụ thể đối với các dự án chậm triển khai do nguyên nhân khách quan. Hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển nhượng dự án hoặc thu hút nhà đầu tư mới, tránh để lãng phí đất. Trong trường hợp bị thu hồi đất, bồi thường cho doanh nghiệp ở mức hợp lý và thỏa đáng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn doanh nghiệp ký quỹ khi giao đất, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp.

9. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính đảm bảo kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 20 tỉnh/thành phố tốt nhất; tập trung triển khai các nhiệm vụ chính sau: Tạo sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận đất đai, tín dụng. Bình đẳng trong giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất; đầu tư theo hình thức hợp tác công tư đảm bảo công khai, minh bạch.

10. Chỉ số Đào tạo lao động

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chính về kết quả đánh giá của chỉ số này trong năm 2017, hướng tới mục tiêu 2017 thuộc nhóm 3 tỉnh/thành phố tốt nhất; tập trung triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động, bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt của thị trường lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng, giới thiệu việc làm và sử dụng lao động. Rà soát, nghiên cứu và đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm do tư nhân cung cấp.

- Tăng cường liên kết hệ thống các Trung tâm giới thiệu việc làm tại các địa phương và các khu công nghiệp nhằm kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo và tuyển dụng; bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng, dự báo nguồn nhân lực cung cấp ổn định; tạo kênh thông tin nhiều chiều, tổ chức kết nối giữa các trường đào tạo trong cả nước với doanh nghiệp trên địa bàn để thu hút lao động có trình độ cung cấp cho doanh nghiệp.

- Hỗ trợ lao động trong trường hợp chuyển nghề, di chuyển giữa các địa phương theo quy định của pháp luật. Quan tâm và đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm.

III. Tổ chức thực hiện

1. Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh

- Tiếp tục phân tích, cung cấp dữ liệu PCI, với các nội dung chi tiết cấu thành các chỉ số thành phần trong Chỉ số PCI năm 2016; các số liệu điều tra, khảo sát về doanh nghiệp, các nút thắt, hạn chế về môi trường kinh doanh; khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cho các ngành, đơn vị biết các điểm yếu để xây dựng kế hoạch khắc phục, nâng cao chỉ số thành phần năm 2017 gắn với thực hiện NQ 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ.

- Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, góp phần xây dựng hình ảnh của tỉnh, thể hiện tính năng động và tiên phong để áp dụng trên địa bàn tỉnh. Khảo sát và công bố vào tháng 11 hàng năm Chỉ số Năng lực cạnh tranh áp dụng cho Sở, ngành và UBND cấp huyện.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả cải thiện môi trường kinh doanh và đề xuất bổ sung các biện pháp trong quá trình thực hiện Chỉ thị này.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố

Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đặc biệt là các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các Chỉ số thành phần ở trên, có trách nhiệm triển khai và định kỳ 6 tháng và cuối năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế xã hội tỉnh) tổng hợp, xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá công tác thi đua khen thưởng.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh đơn đốc thực hiện Chỉ thị này./. *th*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng TM và CN Việt Nam (VCCI);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh;
- Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các hiệp hội doanh nghiệp trong tỉnh;
- Các đ/c Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Phòng chuyên môn VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tử Quỳnh



PHỤ LỤC 1

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TÍNH MINH BẠCH TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chỉ tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	5,87	52	7,11	10
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch	2,40		2,63	
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý	3,02		3,14	
3	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	72,45%		41,73%	
4	Thương lượng với cán bộ thuế là phân thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	51,52%		22,58%	
5	Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	2,27%		11,61%	
6	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	40,00%		57,14%	
7	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	26		39	
8	% DN truy cập vào website của UBND	69,07%		76,43%	
9	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	90,00%		92,11%	
10	Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	84,62%		90,00%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...



PHỤ LỤC 2

CHỈ TIÊU CHỈ SỐ THÀNH PHẦN THIẾT CHẾ PHÁP LÝ TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
Điểm tổng hợp		4,85	51	6,42	20
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	27,55%		40,63%	
2	Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	74,75%		83,87%	
3	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	0,36		0,10	
4	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh	58,33%		48%	
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	83,33%		91,13%	
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	66,29%		71,28%	
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	68,97%		72,73%	
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	67,82%		72,00%	
9	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	77,27%		80,65%	
10	Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	73,86%		88,64%	
11	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	29,29%		52%	
12	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC)	58,02%		76%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...



PHỤ LỤC 3

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chỉ tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	8,29	46	9,13	10
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	7		3,8	
2	Thời gian đăng ký kinh doanh bổ sung - số ngày (Giá trị trung vị)	7		3	
3	Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Giá trị trung vị)	15		11	
4	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	17,14%		8,33%	
5	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	1,43%		0,00%	
6	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	65,26%		77%	
7	Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	65,26%		82,13%	
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	35,79%		77,49%	
9	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	35,79%		60,00%	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	29,47%		76,38%	
11	Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào (% đồng ý)	6,32%		1,93%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...

**PHỤ LỤC 4****CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH**

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05 /CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	6,04	20	6,5	10
1	% DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	53,57%		64,71%	
2	% diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (BTNMT) (%)	95,59%		96,00%	
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	1,60		3,13	
4	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	79,79%		83,33%	
5	% DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu	14,58%		6,67%	
6	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	22,22%		51,22%	
7	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	29,27%		42,74%	
8	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	42,31%		61,54%	

Ghi chú: Chi tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chi tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...

**PHỤ LỤC 5****CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CHI PHÍ THỜI GIAN TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH**

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chỉ tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	6,50	36	7,88	10
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị (tất cả các cơ quan)	1		1	
2	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	3		2	
3	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	86,73%		88,89%	
4	% DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước	30,68%		11,88%	
5	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	53,54%		77,39%	
6	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	62,24%		73,74%	
7	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	48,48%		62%	
8	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	41,24%		54,92%	
9	Không thấy bất kì sự thay đổi đáng kể nào (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	7,07%		3,53%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...

PHỤ LỤC 6

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	5,10	40	7,37	20
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	71,29%		46,15%	
2	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	10,64%		5%	
3	Hiện tượng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	66,67%		30,30%	
4	Công việc được giải quyết sau khi đã trả chi phí không chính thức (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	63,74%		53,85%	
5	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	79,17%		84,00%	

Ghi chú: Chi tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chi tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...



PHỤ LỤC 7

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TÍNH NĂNG ĐỘNG TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	5,32	18	7,74	10
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	75,82%		89,22%	
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	62,92%		80,81%	
3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	44,33%		56,94%	
4	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	78,02%		50,55%	
5	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	33,96%		28%	
6	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	54,55%		44,68%	

Ghi chú: Chi tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chi tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...

PHỤ LỤC 8

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	4,77	43	5,45	20
1	Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của ban" (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	27,47%		27,43%	
2	Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	29,03%		20,87%	
3	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	12,90%		11,54%	
4	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	21,51%		18,26%	
5	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	23,66%		17,39%	
6	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	72,73%		61,06%	
7	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	27,96%		24,49%	
8	Tinh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	51,14%		39,18%	
9	Tinh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	52,33%		42,86%	
10	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	43,01%		21,80%	
11	Miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	41,94%		24,81%	
12	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	26,88%		21,05%	
13	Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	35,48%		21,80%	
14	Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	52,81%		36,04%	

PHỤ LỤC 9

CHI TIẾT CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chi tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	5,64	27	5,81	10
1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công Thương)	8		12	
2	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0,58%		1,65%	
3	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	69,57%		76,34%	
4	DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	21,18%		34,36%	
5	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	55,56%		56,44%	
6	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	72,22%		88,06%	
7	DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	40,00%		48,03%	
8	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	44,12%		52,99%	
9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	61,76%		77,63%	
10	DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	15,66%		28,35%	
11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	61,54%		64,00%	
12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	84,62%		90,91%	
13	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	12,20%		22,46%	
14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	10,00%		16,67%	
15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	50,00%		57,14%	
16	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	25,93%		34,76%	
17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	38,10%		53,85%	
18	DN có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	42,86%		64,62%	
19	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	36,14%		41,67%	

STT	Chỉ tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	23,33%		42,65%	
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	90,00%		91,00%	
22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	23,46%		35,93%	
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	42,11%		44,90%	
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	73,68%		79,31%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...

PHỤ LỤC 10

CHI TIÊU CHỈ SỐ THÀNH PHẦN ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TRONG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05 /CT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017)

STT	Chỉ tiêu	2016		Mục tiêu 2017	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
	Điểm tổng hợp	7,17	6	7,98	3
1	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	78,57%		80,00%	
2	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	4,45		4,50	
3	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	2,89		4,17	
4	Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	91,30%		93,17%	
5	Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐTĐBXH)	12,00%		12,00%	
6	Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động (%) (BLĐTĐBXH)	10,76%		12,86%	
7	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề (%)	42,17%		61,19%	
8	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	50,48%		60,98%	
9	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	37,14%		54,84%	
10	DN đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm (%)	32,94%		49,34%	
11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm	28,57%		55,88%	

Ghi chú: Chỉ tiêu 2017 được đặt ra dựa trên cơ sở mức điểm đã đạt được cao nhất qua các năm của tỉnh Bắc Ninh hoặc mức điểm của một số tỉnh có thứ hạng Tốt về chỉ tiêu đó, ví dụ: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc,...